

Phụ lục I

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 04 /TB-HĐTD ngày 12 tháng 9 năm 2024
của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
1	Hồ Nguyễn Duy An	16/03/2001	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh chuẩn đầu ra		
2	Lê Thị Thúy An	26/03/1983	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học Toán - tin	X	Tiếng Anh trình độ B		
3	Huỳnh Võ Tuấn Anh	10/12/1999	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
4	Trần Đức Anh	15/06/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
5	Ngô Quốc Bình	05/03/1999	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
6	Lê Thị Thu Diễm	29/07/2000	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
7	Đinh Thùy Dung	19/04/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học Toán ứng dụng	X	Tiếng Anh B1		
8	Đồng Thị Mai Dung	29/01/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Khoa học dữ liệu ứng dụng; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh bậc 4		
9	Mai Thị Thùy Dung	10/03/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
10	Ông Thị Thùy Dung	09/05/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
11	Phạm Thị Phương Dung	20/04/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
12	Võ Huỳnh Duy	14/04/1996	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
13	Đỗ Trọng Đại	29/07/1995	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
14	Phan Thành Đạt	02/02/1974	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán - Tin		Tiếng Anh trình độ B		
15	Hồ Anh Điền	20/12/1996	Nam	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Toán Giải tích; Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
16	Lê Thị Hoàng Giang	26/08/1996	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
17	Trương Thị Triều Giang	13/02/1996	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
18	Hà Thị Thu Hằng	09/11/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
19	Nguyễn Thanh Hằng	30/09/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
20	Phan Thị Thúy Hằng	24/07/1999	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
21	Nguyễn Ngọc Hân	17/09/1991	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
22	Hà Lê Văn Hiền	01/01/1998	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
23	Ngô Thị Hoa	06/05/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B2		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghịệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
24	Hồ Tăng Hoàng	26/06/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
25	Lê Quốc Hoàng	09/03/1998	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
26	Nguyễn Hữu Minh	19/07/2001	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
27	Nguyễn Nhật Hoàng	02/12/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
28	Hồ Thị Hoàng	10/10/1999	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
29	Lê Trần Huy	10/04/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
30	Nguyễn Ngọc Anh	19/09/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
31	Phùng Quang	26/05/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
32	Nguyễn Minh	19/05/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
33	Nguyễn Đình Hưng	22/07/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
34	Phan Thị Hoài	04/07/2000	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
35	Lê Quang Khải	02/11/1997	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
36	Dương Thị Kim	12/02/1999	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
37	Võ Nguyễn Đình Khoa	29/05/1993	Nam	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Toán giải tích; Đại học Toán ứng dụng	X	Tiếng Anh trình độ B		
38	Phạm Thị Ái	21/01/1999	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
39	Lê Thị Trúc	19/02/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
40	Nguyễn Thị Nhật	24/03/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
41	Trần Thị Mỹ	10/10/1990	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Hình học và Tôpô; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
42	Trương Phú	02/10/1997	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
43	Nguyễn Thị Mai	09/10/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
44	Lê Tự Nam	14/02/1994	Nam	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán; Đại học sư phạm Toán; Đại học Ngôn ngữ Anh		Tiếng Anh B2		
45	Mạc Hữu Lộc	19/11/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh bậc 3		
46	Trần Thị Thanh	07/05/1991	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học Toán - tin	X	Tiếng Anh trình độ B		
47	Huỳnh Khánh	23/06/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
48	Phan Thị Diệu	01/09/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Trung bậc 3		

Thứ tự	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
49	Phạm Văn Thanh	Nam	04/04/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B2		
50	Lê Thị Niên	Niên	01/09/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
51	Ngô Thị Thanh	Nga	26/06/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
52	Lê Thị Kim	Ngân	02/07/1999	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
53	Phan Thị	Ngân	04/07/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
54	Nguyễn Võ Như	Ngọc	09/06/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
55	Trần Võ Minh	Ngọc	07/03/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
56	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	01/03/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh A2		
57	Lê Quang	Nhật	12/07/1995	Nam	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Phương pháp lý luận và dạy học Toán; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
58	Phạm Huỳnh Quang	Nhật	07/10/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Toán Giải tích; Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
59	Ngô Đỗ Yến	Nhi	13/06/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
60	Lê Thị Nhung	Nhung	10/02/1995	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Thạc sĩ Toán giải tích; Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
61	Lê Thanh Quỳnh	Như	31/08/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B2		
62	Mai Thị Bích	Như	27/09/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
63	Nguyễn Thị Yến	Phi	04/12/1988	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Toán Sơ cấp; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
64	Trần Thị Ngọc	Phương	05/02/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Đào tạo chuyên môn bằng Tiếng Anh		
65	Đinh Thị	Phượng	18/06/1989	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Toán Giải tích; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
66	Văn Phú	Quốc	25/02/1988	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
67	Đồng Thị Tố	Quỳnh	28/08/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
68	Đặng Diễm	Quỳnh	26/08/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
69	Lê Thị Như	Quỳnh	02/12/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
70	Trần Thị Diễm	Quỳnh	16/12/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
71	Nguyễn Thị Mai	Sương	21/11/1993	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
72	Lê Minh	Tâm	12/03/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
73	Lê Thị Thanh	Tâm	12/01/1992	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Đại số và Lý thuyết số; Đại học Toán ứng dụng	X	Tiếng Anh bậc 3		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
74	Nguyễn Thị Thanh Tâm	28/06/1999	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
75	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/10/2000	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
76	Võ Văn Tiến	24/05/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
77	Phạm Duy Tú	08/05/1992	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học Toán - Tin	X	Tiếng Anh trình độ C		
78	Hồ Ngọc Thạch	06/03/1999	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
79	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	22/12/2000	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
80	Nguyễn Thị Thanh Thảo	05/05/1982	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh bậc 3		
81	Trịnh Thị Thảo	04/04/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
82	Phạm Thị Thê	20/08/1991	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học Toán - Tin	X	Tiếng Anh trình độ B		
83	Lâm Quang Thiên	17/06/1997	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
84	Trần Đức Thiện	16/02/1999	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
85	Nguyễn Thị Thu Thủy	27/11/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
86	Nguyễn Thị Thu Thủy	20/11/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Thạc sĩ Đại số và lý thuyết số; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
87	Trần Thị Bích Thủy	21/05/1994	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
88	Tăng Thị Diễm Thúy	17/11/2000	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
89	Nguyễn Thị Minh Thuyền	05/01/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
90	Nguyễn Ái Thư	15/12/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
91	Nguyễn Lê Anh Thư	18/12/2001	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
92	Lê Thị Quý Thương	10/10/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh bậc 3		
93	Phạm Thị Hoài Thương	17/08/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
94	Huỳnh Thị Thùy Trang	31/03/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
95	Võ Thị Huyền Trang	16/09/1995	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
96	Phan Thị Ngọc Trân	20/02/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
97	Đặng Công Trình	03/02/1994	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
98	Nguyễn Thị Hạ Uyên	20/02/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
99	Huỳnh Thị Ngọc Vân	29/04/1997	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
100	Đổng Đắc Vũ	06/11/2002	Nam	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghiep vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Điện ưu tiên
101	Hoàng Vũ Nhật Vy	15/06/2002	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
102	Nguyễn Thị Khánh Vy	04/08/1998	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học; Cử nhân Toán ứng dụng			Tiếng Anh	
103	Phan Nhật Thảo Vy	27/04/2000	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
104	Trần Thị Vy	17/03/1996	Nữ	Kinh	Toán	THPT	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
105	Nguyễn Thành Bửu	02/10/1980	Nam	Kinh	Toán	GDTX	Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học sư phạm Toán học		Cử nhân Tiếng Anh		
106	Võ Thị Thu Hương	15/10/1997	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
107	Nguyễn Thị Lệ	28/02/1994	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
108	Phạm Lê Khánh Linh	30/10/1997	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
109	Nguyễn Thị Kiều Oanh	06/03/1985	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học sư phạm Toán học		Cử nhân ngôn ngữ Anh		
110	Võ Thị Kim Oanh	04/07/1987	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
111	Phan Nguyễn Quang Phúc	05/02/2001	Nam	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
112	Trần Thị Như Phương	22/06/1996	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
113	Phạm Thị Kim Phượng	08/05/1994	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
114	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	24/04/1996	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
115	Trịnh Văn Trai	22/01/1998	Nam	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
116	Nguyễn Thị Kiều Trinh	08/06/1992	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học Toán - Tin	X	Tiếng Anh trình độ B		
117	Lê Thị Cẩm Uyên	03/01/1996	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
118	Lê Hồ Hải Yến	21/09/2002	Nữ	Kinh	Toán	GDTX	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
119	Trương Thị Kim Ánh	20/07/1995	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
120	Nguyễn Thiên Ân	24/03/1997	Nam	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
121	Nguyễn Phước Diễm	17/05/1999	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B2		
122	Nguyễn Thị Thu Hà	04/12/1999	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
123	Trần Quang Huy	30/09/1997	Nam	Kinh	Toán	THCS	Thạc sĩ Toán Giải tích; Đại học sư phạm Toán học		Đại học Ngôn ngữ Anh		
124	Lê Thị Xuân Hương	11/03/2002	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
125	Nguyễn Thị Lan Hương	14/08/1997	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
126	Nguyễn Diệp Kiều My	14/02/1996	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
127	Võ Thị Nở	05/05/1991	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh bậc 3		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghịệp vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
128	Phan Quý Ngà	13/07/2002	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		TOEIC 280		
129	Nguyễn Thị Thùy Ngân	17/09/1995	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
130	Nguyễn Duy Nhật	27/10/1996	Nam	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
131	Nguyễn Thị Bảo Nhung	17/10/1993	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học Toán ứng dụng	X	Tiếng Anh B2		
132	Phan Thị Kiều Oanh	02/02/1994	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
133	Trần Thị Mỹ Phương	10/02/2002	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
134	Lê Thị Thu Quyên	06/03/1998	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
135	Phạm Thị Cẩm Tú	17/06/2002	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
136	Trần Trinh Tường	01/01/1997	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
137	Nguyễn Bùi Thị Thạch	19/03/1999	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
138	Lê Thị Thu	23/06/1995	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ B		
139	Nguyễn Thị Bích Thu	08/02/1996	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh trình độ C		
140	Hồ Thị Huỳnh Thư	01/09/2002	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
141	Huỳnh Anh Thư	22/02/1995	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
142	Ngô Bùi Thị Hoài Thương	26/01/1996	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
143	Võ Thương Thương	15/08/2002	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		Tiếng Anh B1		
144	Lê Thị Vân	17/07/2000	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học			Tiếng Anh	
145	Lê Thị Vy	21/10/1993	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học Toán ứng dụng trong kinh tế	X	Tiếng Anh bậc 3		
146	Trần Phúc Như Ý	22/08/2002	Nữ	Kinh	Toán	THCS	Đại học sư phạm Toán học		TOEIC 515		
147	Nguyễn Thị Trang	24/01/1993	Nữ	Kinh	Toán	GDCB	Đại học Toán ứng dụng trong kinh tế; Chứng nhận Giáo dục trẻ chậm phát triển trí tuệ	X	Tiếng Anh trình độ B		
148	Đoàn Tường An	02/04/1995	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh B1		
149	Bùi Đức Anh	30/08/2002	Nam	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học			Tiếng Anh	
150	Lê Thị Kim Chi	06/12/1993	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học; Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh B1		
151	Đặng Thị Duyên	18/09/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học			Tiếng Anh	
152	Nguyễn Thị Ánh Huyền	11/10/1998	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học			Tiếng Anh	

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
153	Nguyễn Tiến Xuân Hữu	15/06/1989	Nam	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp		Tiếng Anh trình độ B		
154	Huỳnh Thị Vân Kiều	26/06/1992	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		ngôn ngữ Anh		
155	Nguyễn Lê Anh Khương g	17/04/2000	Nam	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học			Tiếng Anh	
156	Nguyễn Thị Hoàng Lan	16/10/1998	Nữ	Hoa	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học			Tiếng Anh	Dân tộc thiểu số
157	Huỳnh Thị Thanh Liêm	07/02/2000	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học			Tiếng Anh	
158	Hồ Thị Thu Liên	08/01/1986	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm; Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh B1		
159	Trần Thị Như Ngọc	04/06/1996	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh trình độ B		
160	Phạm Thị Kim Nguyên	24/07/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh B1 (TOEIC 365)		
161	Võ Đặng Cẩm Nhung	25/10/1997	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		TOEIC 300		
162	Nguyễn Thị Thu Sương	28/02/1994	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học công nghệ Sinh học	X	Tiếng Anh trình độ B		
163	Trần Thị Duy Tính	01/07/1998	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh trình độ B		
164	Đoàn Thị Ty	30/03/1996	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh A2		
165	Trần Thị Thủy	20/09/1993	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học			Tiếng Anh	
166	Võ Thị Thanh Thúy	24/02/1990	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh trình độ C		
167	Châu Thị Vượng	01/02/1996	Nữ	Kinh	Sinh học	THPT	Đại học sư phạm Sinh học		Tiếng Anh B1; Toeic 465		
168	Nguyễn Thị Hà Anh	21/04/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
169	Phan Trần Hải Anh	16/12/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
170	Nguyễn Thị Minh Ánh	15/03/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh ESOL		
171	Huỳnh Cẩm Bình	07/07/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
172	Bùi Nguyễn Vệ Cẩm	20/04/1998	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh bậc 3		
173	Trần Lê Hà Giang	08/07/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1 (TOEIC 660)		
174	Nguyễn Khánh Hạ	01/05/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
175	Vũ Văn Hải	13/01/1995	Nam	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ B		
176	Trần Đỗ Nhân Hậu	10/07/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
177	Trần Thị Ánh Hồng	06/02/1998	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
178	Nguyễn Bá Thanh Huyền	18/07/1995	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Thạc sĩ ngôn ngữ học; Đại học văn học	X		Tiếng Anh	

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghiep vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
179	Nguyễn Minh Hưng	01/02/2001	Nam	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
180	Bùi Thị Xuân Hương	21/07/1983	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Thạc sĩ Ngôn ngữ học; Đại học Ngôn ngữ học	X	Tiếng Anh bậc 3		
181	Nguyễn Quang Khải	12/07/2001	Nam	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B2		
182	Nguyễn Lê Kim Khánh	30/08/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
183	Trương Thúy Liên	25/04/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
184	Phạm Nhật Linh	11/11/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
185	Phạm Phương Linh	09/02/2000	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
186	Nguyễn Thị Loan	28/10/1994	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học Văn học	X	Tiếng Anh trình độ B		
187	Đàm Thị Mai	08/03/1988	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Thạc sĩ Văn học Việt Nam; Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		Cán bộ công đoàn trường thành từ cơ sở
188	Lương Thị Hồng Mơ	23/09/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
189	Lê Thị Trà My	24/08/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh bậc 3		
190	Đặng Thị Thủy Nga	26/07/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
191	Nguyễn Thị Yến Nga	12/02/1987	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Thạc sĩ Ngôn ngữ học; Đại học văn học và ngôn ngữ;	X	Đại học Ngôn ngữ Anh		
192	Nguyễn Văn Nghĩa	25/01/1998	Nam	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
193	Hồ Bảo Ngọc	24/05/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
194	Lê Thị Nguyệt	10/09/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
195	Nguyễn Thị Nhân	05/02/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
196	Bùi Thanh Phát	07/10/1993	Nam	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ B		
197	Nguyễn Thị Thu Phương	05/10/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
198	Phùng Diệu Như	19/04/2000	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
199	Nguyễn Thị Kim Quyên	12/11/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Ngoại ngữ bậc 3		
200	Trần Bảo Quyên	25/11/2000	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
201	Vũ Nguyễn Thanh Tâm	13/11/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
202	Hoàng Thùy Tiên	24/11/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
203	Nguyễn Thị Thanh Tiễn	30/03/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
204	Lê Nhật Thành	17/01/1991	Nam	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ B		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Điện ưu tiên
205	Đinh Thị Phương Thảo	19/01/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
206	Hứa Nguyễn Thảo	26/09/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
207	Nguyễn Diệu Thảo	07/05/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
208	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/09/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
209	Phan Thị Diệu Thảo	02/09/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
210	Nguyễn Anh Thi	31/03/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Pháp A2		
211	Nguyễn Thị Kim Thoa	12/02/1990	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ B		
212	Đinh Lê Minh Thông	09/11/1998	Nam	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
213	Nguyễn Thị Thuận	25/04/1996	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ C		
214	Nguyễn Thị Thủy	30/09/2000	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
215	Phạm Lê Anh Thư	02/12/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
216	Võ Minh Thư	23/10/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
217	Trần Thị Hoài Thương	03/12/1995	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học Văn học	X	Tiếng Anh A2		
218	Nguyễn Đình Hương Trà	02/01/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Trung bậc 2		
219	Hồ Thị Kiều Trang	17/10/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
220	Phạm Thị Thùy Trang	30/01/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
221	Vũ Thị Trang	14/04/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Trung bậc 2		
222	Lê Hoàng Uyên	25/12/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
223	Thi Tân Hoài Uyên	30/06/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	THPT	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
224	Nguyễn Thị Hà	27/10/1995	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ B		
225	Phan Thị Vỹ Hằng	26/03/2000	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
226	Võ Thị Thu Hồng	23/01/1997	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
227	Hồ Thị Lan	23/07/1989	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
228	Trần Thị Ngân	28/02/1991	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học Ngữ văn	X	Tiếng Anh trình độ B		
229	Phan Thị Hoài Phương	01/10/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học Văn học	X	Tiếng Anh B1		
230	Nguyễn Thị Tú Quyên	18/09/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
231	Đoàn Thị Thanh Tâm	26/01/2001	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
232	Trương Thị Thủy Tiên	08/11/1995	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học Văn học	X	Tiếng Anh B1		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
233	Trương Quốc Tuấn	02/02/1987	Nam	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ B		
234	Nguyễn Thị Xuân Tuyền	23/05/1997	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh trình độ C		
235	Nguyễn Thị Thu Thuyền	04/12/1995	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
236	Võ Hồ Kiều Trinh	10/11/1993	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học Văn học	X	Tiếng Anh trình độ B		
237	Lê Bích Vân	11/12/2002	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B1		
238	Phan Thị Tường Vy	19/05/1999	Nữ	Kinh	Ngữ văn	GDTX	Đại học sư phạm Ngữ văn			Tiếng Anh	
239	Dương Thị Thiên An	23/03/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
240	Trịnh Thị Minh Anh	16/07/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
241	Nguyễn Thị Cẩm	25/09/1992	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		
242	Lê Văn Công	23/11/2001	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
243	Nguyễn Thị Cường	26/04/1983	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Chính trị học; Đại học Lịch sử; Đại học Chính trị	X	Tiếng Anh B1		Con bệnh binh
244	Đoàn Thị Kim Chi	10/06/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
245	Bùi Quang Chuyên	08/04/1986	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
246	Lê Thị Thiên Di	14/03/2002	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
247	Nguyễn Thị Mỹ Dung	12/06/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
248	Trần Phương Dung	02/06/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
249	Trần Hữu Dực	12/06/1975	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục; Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
250	Nguyễn Thị Mai Giang	19/08/1997	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam; Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
251	Đàm Quang Hà	08/06/1981	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Lịch sử thế giới; Đại học Lịch sử	X	Tiếng Anh B1		Con thương binh
252	Bùi Thị Diệu Hiền	03/04/1996	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Trung bậc 3		
253	Hoàng Thị Thu Hiền	17/06/1988	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
254	Lê Thị Hồng	11/08/1994	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		
255	Nguyễn Thị Thu Hồng	01/07/1987	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ C		
256	Lê Ngọc Quang Huy	26/12/1999	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
257	Nguyễn Văn Huy	05/12/1997	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
258	Võ Quang Huy	02/04/1999	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Trung bậc 2		
259	Hà Thanh Huyền	01/12/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Trung bậc 2		
260	Trần Thị Huyền	19/11/1994	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
261	Nguyễn Thị Hường	06/07/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh bậc 3		
262	Huỳnh Kim Kiệt	24/04/2002	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
263	Nguyễn Khắc Khai	18/05/2002	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
264	Nguyễn Thị Kim Lan	15/09/1993	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		
265	Đỗ Quang Lâm	15/01/2001	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
266	Trần Trường Linh	06/05/1994	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		Con thương bệnh binh
267	Lê Thị Loan	21/09/1988	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
268	Lương Thị Thu Loan	21/03/1998	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
269	Nguyễn Thị Ly	06/01/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
270	Trần Thị Thanh Mai	03/01/2002	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
271	Nguyễn Thị Mộng	26/04/1993	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		
272	Nguyễn Thị Hằng Nga	09/03/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử - Địa lí			Tiếng Anh	
273	Phan Thị Kim Ngân	06/10/2002	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
274	Dương Thị Nhân	10/05/1988	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học Lịch sử	X	Tiếng Anh trình độ B		
275	Hồ Thành Nhân	06/04/1996	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
276	Trần Thị Nhiên	30/03/1996	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
277	Hồ Hữu Phúc	10/10/1985	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		
278	Cao Thị Phương	24/04/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử - Địa lí			Tiếng Anh	
279	Tô Hồng Lan	10/11/1999	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
280	Huỳnh Thị Quyên	13/08/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		
281	Phan Thị Ngân Quỳnh	27/05/1996	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
282	Nguyễn Tiến Sĩ	02/10/2002	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử - Địa lí		Tiếng Anh B1		
283	Nguyễn Thị Thu Sương	15/11/1997	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
284	Lê Trần Quốc Tâm	10/12/2002	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
285	Nguyễn Thị Khánh Tiên	16/01/2002	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
286	Nguyễn Thị Thu Tiên	10/09/1992	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam; Đại học Lịch sử	X	Tiếng Anh bậc 3		
287	Nguyễn Tân Tiến	21/12/1993	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam; Đại học Lịch sử		Tiếng Anh B1		
288	Trần Thị Dương Thanh	10/10/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh bậc 3		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
289	Lê Trần Phương Thảo	28/06/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
290	Nguyễn Thị Thảo	10/06/1987	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Lịch sử thế giới; Đại học Lịch sử; Đại học Luật	X	Tiếng Anh B1		
291	Lê Thị Thuận	01/12/1992	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		
292	Lê Thị Mỹ Thuận	22/08/1992	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
293	Nguyễn Ngọc Thuận	18/02/2001	Nam	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
294	Trương Thị Thùy	10/08/1998	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
295	Nguyễn Thị Thương	01/04/1997	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
296	Phạm Thị Thương	26/12/1994	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
297	Lê Thị Trà	27/04/1990	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Thạc sĩ Lịch sử thế giới; Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh A2		
298	Trần Thị Quỳnh Trang	20/01/1993	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh trình độ B		Con thương binh
299	Võ Thị Hà Trang	01/01/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
300	Trần Thị Ngọc Trâm	13/05/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Trung bậc 2		
301	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	18/10/2000	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Trung bậc 3		
302	Nguyễn Kiều Trinh	15/07/2001	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử - Địa lí			Tiếng Anh	
303	Đoàn Thị Hiền Vi	22/09/1995	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
304	Bùi Nhật Vy	18/06/2000	Nữ	Kinh	Lịch sử	THPT	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	
305	Phan Thanh Bảo	19/01/1993	Nam	Kinh	Lịch sử	GDTX	Đại học sư phạm Lịch sử		Tiếng Anh B1		
306	Vũ Thị Diệu Linh	06/12/2000	Nữ	Gié-Triên	Lịch sử	THCS	Đại học sư phạm Lịch sử			Tiếng Anh	Dân tộc thiểu số
307	Phan Đình Nghĩa	20/08/2002	Nam	Kinh	Lịch sử	THCS	Đại học sư phạm Lịch sử - Địa lí		Tiếng Anh B1		
308	Nguyễn Thị Hồng Anh	24/04/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Trung bậc 2		
309	Đinh Thị Ngọc Diễm	14/02/1996	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
310	Lưu Thành Đạt	22/06/2001	Nam	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
311	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/10/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Trung bậc 2		
312	Nguyễn Thanh Hiếu	19/07/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
313	Võ Thị Kiều	20/03/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Trung bậc 2		
314	Lê Thị Thanh Lam	30/09/1995	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Thạc sĩ Địa lí tự nhiên; Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
315	Phạm Thị Hồng Linh	01/05/2001	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
316	Nguyễn Thị Trúc Ly	12/07/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	
317	Nguyễn Thị Nga	20/08/1990	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
318	Huỳnh Thị Như Ngọc	26/10/2002	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Trung bậc 2		
319	Ngô Văn Tân	26/12/2001	Nam	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
320	Phạm Minh Tuấn	12/08/1996	Nam	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
321	Phan Thị Bích Thảo	19/05/2000	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	
322	Mai Thị Thuận	05/03/1998	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
323	Nguyễn Thị Hồng Thương	08/09/1986	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh trình độ B		
324	Nhâm Thị Kiều Trinh	28/01/1997	Nữ	Kinh	Địa lí	THPT	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	
325	Lê Thị Thùy Duyên	19/12/1996	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh A2		
326	Mai Minh Hải	02/04/1993	Nam	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh trình độ C		
327	Trương Thị Hằng	15/06/1977	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh trình độ C		
328	Nguyễn Đình Khá	05/03/1997	Nam	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
329	Đinh Thị Ngọc Liễu	14/02/1996	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
330	Hoàng Thị Hương Nguyên	31/01/1981	Nữ	Nùng	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh trình độ B		Dân tộc thiểu số
331	Trần Thị Nguyệt	03/04/1994	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh trình độ B		
332	Phan Thị Thanh Nhi	07/11/1994	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
333	Trần Thị Nhung	13/04/1996	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
334	Lê Thị Cẩm Tiên	02/05/2001	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	
335	Cái Thị Thành	09/10/1994	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	
336	Trịnh Thị Thi	16/10/1993	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
337	Huỳnh Ngọc Thịnh	03/07/1995	Nam	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	
338	Nguyễn Thị Minh Thương	18/08/1995	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí		Tiếng Anh B1		
339	Nguyễn Thị Xuân	02/03/2001	Nữ	Kinh	Địa lí	GDTX	Đại học sư phạm Địa lí			Tiếng Anh	
340	Dư Thị Trang Anh	19/08/1984	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh; Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận Tiếng Anh C1		Tiếng Pháp B1		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
341	Nguyễn Phan Vân Anh	21/06/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận tiếng Anh C1				
342	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	15/10/1989	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1	X			
343	Trần Thị Hồng Ánh	08/01/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THCS	Đại học Tiếng Anh thương mại; Chứng nhận Tiếng Anh C1	X			
344	Phan Thị Cảnh	02/05/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1		Tiếng Pháp A2		
345	Trần Thị Hoài Diễm	16/01/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận tiếng Anh C1 (IELTS 7.0)				
346	Vương Thị Minh Diệu	12/08/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1 (IELTS 8.0)				
347	Đoàn Thị Mỹ Dung	20/12/1998	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1 (IELTS 7.0)	X			
348	Trần Thị Thùy Duyên	06/09/1977	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận tiếng Anh C1		Tiếng Trung trình độ B		
349	Nguyễn Mai Thùy Dương	20/11/1998	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học Ngôn ngữ Anh; giấy xác nhận tiếng Anh C1	X			
350	Trần Thanh Hải	20/05/1994	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1				
351	Nguyễn Thị Hạnh	09/08/1986	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1	X			Cán bộ công đoàn trường thành từ cơ sở
352	Nguyễn Thị Thuần Hạnh	03/04/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận Tiếng Anh C1				
353	Trần Thị Tú Hằng	28/11/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1	X			
354	Trần Nguyễn Ngọc Hân	22/04/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
355	Phan Thị Thúy Hiền	17/08/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận tiếng Anh C1				
356	Nguyễn Tuấn Hiệp	24/02/2002	Nam	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
357	Nguyễn Thị Ý Hoa	10/01/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1				
358	Nguyễn Thị Kim Huệ	07/10/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học Ngôn ngữ Anh; giấy xác nhận tiếng Anh C1	X			
359	Nguyễn Trần Lâm Hưng	14/02/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C2				

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
360	Bùi Thị Thu Hương	19/10/1998	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
361	Tổng Khánh Linh	21/05/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1				
362	Phạm Thị Thảo Ly	24/11/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1 (IELTS 6.5)				
363	Võ Thị Ngọc Ly	23/02/1976	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				Con thương binh
364	Ông Thị Xuân Mai	15/08/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận tiếng Anh C1				
365	Trần Thị Diễm Mi	26/08/1991	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1				
366	Võ Thị Thanh Minh	23/02/1997	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh				
367	Trần Thị Hoài Nam	11/11/1988	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh; Đại học Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1 (TOEIC 940)	X			
368	Trần Thị Ánh Ngân	14/03/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận tiếng Anh C1				
369	Lê Thị Thùy Nghi	11/02/2003	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1 (IELTS 7.0)				
370	Lê Hoàng Ngọc	12/09/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1				
371	Hoàng Thị Hạnh Nguyễn	09/04/1998	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh; Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1 (IELTS 8.0)				
372	Trần Đỗ Khánh Nguyễn	20/05/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
373	Trần Thị Thanh Nhã	23/04/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
374	Trần Thị Linh Nhi	09/07/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
375	Hồ Thị Nhung	16/03/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
376	Trần Thị Như	26/09/2000	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận năng lực ngoại ngữ bậc 5/6				
377	Phạm Hoàng Minh Tâm	21/10/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
378	Trần Mỹ Tiến Tâm	01/07/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1		Tiếng Nga trình độ B		
379	Phan Thị Thanh Tuyền	12/02/2000	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1				
380	Dương Thị Thanh Thảo	06/06/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
381	Huỳnh Thị Thu Thảo	20/07/1998	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1		Tiếng Trung bậc 2		
382	Phạm Thị Thu Thảo	08/11/1986	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
383	Phạm Phan Bảo Thơ	18/06/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1				
384	Nguyễn Khánh Thư	02/09/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1 (IELTS 7.5)				
385	Nguyễn Châu Trân	02/08/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Đại học Ngôn ngữ Anh				
386	Lê Mạnh Trí	19/08/2001	Nam	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
387	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	23/12/2000	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận Tiếng Anh C1				
388	Nguyễn Thị Tố Uyên	12/11/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1 (IELTS 7.0)				
389	Trần Thị Thu Uyên	22/09/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận Tiếng Anh C1		Tiếng Trung B1		
390	Võ Nguyễn Đoan Uyên	20/11/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh; Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở
391	Trần Khánh Vi	07/10/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
392	Nguyễn Thị Hằng Vy	01/05/1990	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
393	Bùi Thu Yến	01/03/2000	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận tiếng Anh C1				
394	Nguyễn Hoàng Yến	25/08/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1				
395	Thái Thị Thúy Cảnh	04/07/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1				
396	Nguyễn Thị Đăng	05/10/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Anh C1		Tiếng Pháp B1		
397	Võ Thị Thu Hà	15/08/1996	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1				

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
398	Dương Thị Mai Huệ	17/06/1976	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1				Con thương binh
399	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29/12/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận Tiếng Anh C1				
400	Nguyễn Văn Tấn	24/11/1978	Nam	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1				
401	Phạm Minh Tú	21/09/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1 (IELTS 7.0)	X			
402	Đặng Thị Hoài Thương	21/01/1992	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	GDTX	Đại học Tiếng Anh thương mại; Chứng chỉ Tiếng Anh C1	X			
403	Phạm Thái Thùy An	01/11/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THCS	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng nhận Tiếng Anh C1		Tiếng Trung bậc 2		
404	Trần Thị Thùy Dung	25/12/1995	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THCS	Đại học Ngôn ngữ Anh; giấy xác nhận tiếng Anh C1	X			
405	Trần Thị Hoa	12/01/1994	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THCS	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh C1				
406	Phạm Thị Yến Phương	17/05/1990	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	THCS	Đại học sư phạm Tiếng Anh; Giấy xác nhận Tiếng Anh C1				
407	Hồ Thị Ngọc Diệp	26/11/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Pháp	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Pháp				
408	Văn Thị Kim Quyên	17/09/2000	Nữ	Kinh	Tiếng Pháp	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Pháp		Tiếng Trung bậc 2		
409	Lê Đình Hạnh Quỳnh	28/08/2000	Nữ	Kinh	Tiếng Pháp	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Pháp				
410	Võ Như Cát Tường	02/01/2001	Nữ	Kinh	Tiếng Pháp	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Pháp				
411	Phan Thị Trà	03/12/1993	Nữ	Kinh	Tiếng Pháp	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Pháp; Chứng chỉ tiếng Anh B2				
412	Nguyễn Thị Anh Trúc	05/04/2002	Nữ	Kinh	Tiếng Pháp	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Pháp		Tiếng Trung bậc 2		
413	Trần Ngọc Phương Uyên	28/12/1999	Nữ	Kinh	Tiếng Pháp	THPT	Đại học sư phạm Tiếng Pháp				
414	Nguyễn Hoàng Anh	31/03/1990	Nam	Kinh	Tin học	THPT	Đại học sư phạm Tin học		Tiếng Anh trình độ C		
415	Trần Lê Minh Giang	09/10/1992	Nam	Kinh	Tin học	THPT	Đại học Công nghệ thông tin	X	Tiếng Anh trình độ C		
416	Đinh Thị Minh Hiền	05/11/1979	Nữ	Kinh	Tin học	THPT	Đại học Tin học	X	Tiếng Anh trình độ B		
417	Huỳnh Huy Hoàng	26/11/1999	Nam	Kinh	Tin học	THPT	Đại học Công nghệ thông tin	X		Tiếng Anh	
418	Phạm Gia Huy	18/05/1998	Nam	Kinh	Tin học	THPT	Đại học sư phạm Tin học			Tiếng Anh	
419	Nguyễn Văn Kiểm	01/10/1983	Nam	Kinh	Tin học	THPT	Kỹ sư Tin học; Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ C		
420	Ngô Thị Thanh Nga	29/11/1991	Nữ	Kinh	Tin học	THPT	Đại học sư phạm Tin học		Tiếng Anh trình độ B		
421	Trần Thị Ý Nhi	29/09/1993	Nữ	Kinh	Tin học	THPT	Thạc sĩ Khoa học máy tính; Đại học sư phạm Tin học		Tiếng Anh B1		
422	Nguyễn Thu Thom	09/09/1985	Nữ	Kinh	Tin học	THPT	Kỹ sư CNTT	X	Tiếng Anh trình độ B		
423	Nguyễn Thành Trung	09/09/1991	Nam	Kinh	Tin học	THPT	Đại học sư phạm Tin học		Tiếng Anh trình độ B		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
424	Ngô Nhật Bản	01/05/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ C		
425	Mai Văn Cánh	12/03/1996	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh		
426	Dương Thị Cẩm	29/03/2002	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
427	Phạm Cao Cường	19/09/1992	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ khoa học giáo dục; Đại học Thể dục thể thao - Huấn luyện thể thao		Đại học ngôn ngữ Anh		
428	Kiều Văn Chính	22/01/1997	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất	X	Tiếng Anh trình độ B		
429	Hứa Công Chươn g	09/05/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
430	Trần Xuân Diệu	08/02/1982	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		Con liệt sĩ
431	Huỳnh Phú Dương	06/02/1991	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ Giáo dục thể chất; Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ C		
432	Triệu Văn Đội	21/08/1991	Nam	Nùng	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ Giáo dục học; Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		Dân tộc thiểu số
433	Nguyễn Anh Đức	21/05/1991	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ Giáo dục học; Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
434	Nguyễn Minh Đức	04/12/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất - Quốc phòng		Tiếng Anh trình độ B		
435	Phan Hữu Hiệp	23/01/2000	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
436	Trần Trung Hiếu	15/05/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
437	Trần Thái Hoàng	03/05/1997	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
438	Nguyễn Văn Hùng	14/04/2001	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh B1		
439	Đỗ Quốc Huy	22/07/1999	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
440	Nguyễn Ngọc Huy	11/07/2002	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
441	Nguyễn Thị Kiều Huy	02/09/1998	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
442	Trần Văn Tuấn Huy	26/01/2002	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Huấn luyện thể thao			Tiếng Anh	
443	Nguyễn Đặng Thanh Hưng	14/03/2001	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
444	Nguyễn Văn Nhật Hưng	20/08/1997	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
445	Lương Trọng Đăng Khoa	24/12/1996	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
446	Nguyễn Hữu Anh Khoa	10/10/1989	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ Giáo dục học; Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
447	Nguyễn Quốc Lanh	03/11/1993	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh B		
448	Trần Hà Lợi	05/06/1991	Nam	Tày	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		Dân tộc thiểu số

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
449	Phan Thị Mỹ Luyến	15/06/2001	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
450	Hồ Thị Yên Ly	01/03/2001	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Huấn luyện thể thao		Tiếng Anh trình độ B		
451	Nguyễn Thị Mai	10/01/1995	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
452	Trương Khắc Mạnh	10/06/2001	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Huấn luyện thể thao			Tiếng Anh	
453	Nguyễn Hữu Núi	12/05/1996	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
454	Đồng Văn Nguyên	19/07/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
455	Lê Thanh Thảo Nguyên	03/06/2001	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
456	Nguyễn Phạm Thanh Nguyên	30/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
457	Phạm Hoài Nhân	20/08/1996	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
458	Trần Hữu Nhựt	30/05/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ C		
459	Nguyễn Văn Hồng Phước	18/01/1994	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ Giáo dục học; Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	Con thương binh
460	Bùi Ngân Hà Phương	05/07/2002	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Huấn luyện thể thao			Tiếng Anh	
461	Nguyễn Đức Quang	19/10/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
462	Phùng Đình Quang	26/10/1999	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
463	Nguyễn Minh Quân	16/12/1994	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Quản lý thể dục thể thao		Tiếng Anh trình độ B		
464	Lê Cao Quý	27/10/1990	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh B2		
465	Nguyễn Văn Suốt	25/09/1988	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
466	Trần Thượng Tâm	18/09/1988	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất - Quốc phòng			Tiếng Anh	
467	Trần Văn Tâm	04/07/1989	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
468	Phạm Tấn	02/02/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ Giáo dục học; Đại học Giáo dục thể chất	X	Tiếng Anh trình độ B		
469	Nguyễn Văn Toàn	20/12/1998	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
470	Nguyễn Mạnh Tường	03/02/2001	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
471	Nguyễn Bá Thái	29/11/1981	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở
472	Nguyễn Tuấn Thanh	18/08/1999	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
473	Thân Thiên Thanh	23/02/1997	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
474	Ngô Thịnh	28/01/2000	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
475	Nguyễn Thị Kim Thoa	26/01/1993	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
476	Nguyễn Đức Thông	22/02/2002	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất			Tiếng Anh	
477	Phạm Thị Kim Trâm	06/12/2002	Nữ	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh A2		
478	Nguyễn Quang Anh Trung	20/05/1996	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
479	Nguyễn Thành Trung	28/07/2000	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Huấn luyện thể thao			Tiếng Anh	
480	Ông Thành Trung	09/10/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
481	Võ Ngọc Truyền	30/09/1985	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Thạc sĩ Giáo dục học; Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
482	Võ Duy Vũ	20/09/1989	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
483	Nguyễn Danh Y	10/01/1995	Nam	Kinh	Giáo dục thể chất	THPT	Đại học Giáo dục thể chất		Tiếng Anh trình độ B		
484	Hồ Văn Châm	06/06/1998	Nam	Cơ tu	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học Giáo dục Quốc phòng - an ninh			Tiếng Anh	Dân tộc thiểu số
485	Vi Thị Dinh	20/04/2002	Nữ	Nùng	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Tiếng Anh B1		Dân tộc thiểu số
486	Huỳnh Hùng	22/10/1989	Nam	Kinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học Giáo dục thể chất - Quốc phòng		Tiếng Anh trình độ B		
487	Lê Chí Hữu	10/07/1992	Nam	Kinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Tiếng Anh trình độ C		
488	Phan Thị Kiều Linh	04/11/1995	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Tiếng Anh B1		
489	Lê Đức Nhựt	19/06/1999	Nam	Kinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh			Tiếng Anh	hoàn thành nghĩa vụ quân sự
490	Võ Minh Tuấn	05/06/1990	Nam	Kinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học Giáo dục Quốc phòng - an ninh		Tiếng Anh trình độ B		Sĩ quan dự bị
491	Lê Thị Kiều Trinh	23/06/2001	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Tiếng Anh B1		
492	Trần Thị Điềm	23/09/1993	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị		Tiếng Anh trình độ B		
493	Nguyễn Thị Diệu Hiền	23/08/2002	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục công dân			Tiếng Anh	
494	Hồ Thị Hiệp	17/11/2002	Nữ	Vân Kiều	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị		Tiếng Anh B1		Dân tộc thiểu số
495	Huỳnh Hiếu	10/11/2000	Nam	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị		Tiếng Anh B1		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
496	Huỳnh Thị Thiên Kim	05/03/2001	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị		Tiếng Trung bậc 2		
497	Lý Thị Lan	10/02/1982	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Đại học Quản trị kinh doanh du lịch; Đại học luật	X	Tiếng Anh		
498	Briú Thị Lem	27/09/2002	Nữ	Cotu	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị			Tiếng Anh	Dân tộc thiểu số
499	Võ Hoàng Liên	01/01/1986	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Thạc sĩ Triết học; Đại học Triết học	X	Đại học Ngôn ngữ Anh		
500	Trần Bảo Ngân	04/09/2002	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị			Tiếng Anh	
501	Phạm Hồng Hải Ngọc	11/07/2002	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục công dân			Tiếng Anh	
502	Lê Thị Thảo Nhiên	10/09/2001	Nữ	Kinh	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị		Tiếng Trung bậc 2		
503	Phan Thị Ái	26/09/1997	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Thạc sĩ vật lý lý thuyết và vật lý toán; Đại học sư phạm vật lý		Tiếng Anh B1		
504	Lê Thị Hoàng Anh	10/03/2002	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh C1		
505	Mai Thị Bình	22/09/1994	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học Vật lý chất rắn	X	Tiếng Anh trình độ B		
506	Nguyễn Đoàn Minh Châu	31/10/1991	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ B		
507	Trần Thị Mỹ Duyên	01/01/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
508	Võ Lê Thùy Giang	30/09/2000	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
509	Hồ Thị Thúy Hằng	20/02/1993	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
510	Lê Nguyễn Thu Hiền	07/11/1998	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
511	Mai Thị Thu Hiền	12/04/2000	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
512	Nguyễn Văn Hiếu	20/03/2000	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
513	Phạm Văn Quốc Hiếu	04/08/2002	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
514	Nguyễn Thị Hoà	27/04/1998	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
515	Hồ Thị Hòa	15/08/1991	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ B		
516	Phạm Thị Huyền	20/10/1997	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
517	Huỳnh Thị Kim Khánh	06/11/2002	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
518	Huỳnh Thị Lành	24/06/1998	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý; Đại học sư phạm vật lý		Tiếng Anh B1		
519	Trương Thế Lâm	28/08/1990	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
520	Dương Thị Thùy Linh	14/08/1997	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
521	Lê Phương Hồng Linh	01/08/1994	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Vật lý; Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
522	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/03/2002	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
523	Lê Thị Hương Loan	04/06/1998	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
524	Phạm Thị Đài Loan	13/02/1996	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ C		Con thương binh
525	Kiều Văn Long	07/06/2000	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
526	Nguyễn Thị Trúc Ly	04/03/2002	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
527	Hồ Thị Minh	01/01/1990	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn vật lý; Đại học sư phạm vật lý		Tiếng Anh B1		
528	Nguyễn Trà My	16/05/1996	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
529	Võ Thị Nguyên	24/08/1998	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
530	Đỗ Yến Nhi	12/07/2000	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
531	Nguyễn Thị Phương Nhi	01/09/1993	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
532	Phạm Thị Quỳnh Như	20/07/1999	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
533	Lê Thị Kiều Oanh	03/04/1999	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
534	Võ Văn Phê	11/09/1991	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ B		
535	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	20/07/1998	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh bậc 3		Con thương binh
536	Mai Văn Quang	15/01/1993	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
537	Nguyễn Thị Như Quỳnh	23/06/1999	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
538	Nguyễn Hoàng Thanh Sang	09/09/2002	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
539	Trần Thị Như Tâm	06/05/1999	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
540	Phan Lê Tấn	06/10/1999	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
541	Nguyễn Thanh Tiến	10/10/1994	Nam	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ C		
542	Nguyễn Thị Xuân Thành	18/12/1996	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh A2		
543	Trần Thị Thanh Thảo	10/06/1996	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
544	Trương Thị Bích Thoa	22/08/1991	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ B		
545	Lê Thị Thu Thủy	10/03/1995	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ C		
546	Đỗ Thị Hiền Thương	13/07/2000	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		
547	Mai Thùy Trang	06/03/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
548	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	22/12/1998	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
549	Huỳnh Thị Ngọc Trân	21/08/2000	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
550	Phan Nguyễn Khánh Vân	11/12/1993	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Vật lý; Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh trình độ B		
551	Nguyễn Thị Vinh	12/09/2002	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý			Tiếng Anh	
552	Bùi Minh Vương	16/06/1994	Nam	Mường	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B1		Dân tộc thiểu số
553	Lê Hồ Lan Vy	23/11/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ	THPT	Đại học sư phạm Vật lý		Tiếng Anh bậc 3		
554	Hồ Thị Kim Anh	11/05/2000	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B1		
555	Phạm Hữu Bảo	28/10/2002	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B1		
556	Lê Bá Bằng	27/09/1994	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
557	Mai Thị Linh Chi	28/12/2002	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B1		
558	Đỗ Thị Thùy Dương	26/02/1987	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
559	Kiều Thị Diễm	23/12/1986	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh A2		
560	Bùi Minh Huy	18/02/1993	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh trình độ B		
561	Trần Thị Kim Liên	01/02/1985	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh trình độ B		
562	Trương Hoàng Lua	23/07/2000	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B1		
563	Trương Thị Khánh My	02/02/1998	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
564	Đinh Thị Thùy Nga	10/08/2000	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
565	Nguyễn Thị Nga	07/10/1997	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B1		
566	Ngô Hoàng Ngân	22/03/1999	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh bậc 3		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
567	Lê Viết Nghĩa	27/12/1984	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh A2		
568	Lê Văn Hạnh Nguyên	16/02/2002	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
569	Nguyễn Thị Thảo Nhi	01/01/2002	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh bậc 3		
570	Trần Văn Nhút	17/10/1984	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh trình độ B		
571	Trần Vĩnh Phúc	12/02/1988	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
572	Nguyễn Thị Hoài Phương	04/10/1989	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc; Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
573	Đoàn Ngọc Sơn	27/01/1998	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
574	Nguyễn Tấn Sỹ	29/10/2002	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B1		
575	Nguyễn Văn Tân	02/01/1995	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
576	Võ Văn Tiến	13/12/2001	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh bậc 3		
577	Lê Thị Phương Thảo	15/04/2002	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh bậc 3		
578	Nguyễn Bá Thịnh	05/06/1978	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh trình độ B		
579	Lương Trí Thông	26/02/1999	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
580	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/11/1992	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh trình độ B		
581	Lê Văn Trà	16/04/1990	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh trình độ B		
582	Phạm Hương Liên Trà	24/09/1992	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Cử nhân Tiếng Pháp		
583	Nghiêm Thị Thiên Trang	25/10/2002	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	Con thương binh
584	Huỳnh Huy Trường	10/01/2002	Nam	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh bậc 3		
585	Nguyễn Hải Yến	19/04/2001	Nữ	Kinh	Âm nhạc	THPT	Đại học sư phạm Âm nhạc			Tiếng Anh	
586	Võ Hữu Duy	28/07/1985	Nam	Kinh	Mĩ thuật	THPT	Đại học sư phạm Mỹ thuật			Tiếng Anh	
587	Trần Thị Thùy Dương	06/05/1995	Nữ	Kinh	Mĩ thuật	THPT	Đại học sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh C		
588	Lý Thị Thu Hồng	24/02/1989	Nữ	Kinh	Mĩ thuật	THPT	Đại học sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh A	Tiếng Anh	
589	Lương Thị Như Hương	05/11/1987	Nữ	Kinh	Mĩ thuật	THPT	Đại học Thiết kế thời trang	X	Tiếng Anh trình độ B		
590	Nguyễn Thị Thúy Liễu	27/09/1995	Nữ	Kinh	Mĩ thuật	THPT	Đại học sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh trình độ B		
591	Lương Ngọc Linh	11/12/2000	Nam	Kinh	Mĩ thuật	THPT	Đại học sư phạm Mỹ thuật		Tiếng anh bậc 3		

Thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký sát hạch	Diện ưu tiên
592	Trần Hoàng Anh	12/08/1995	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học; chứng chỉ Giáo dục trẻ chậm phát triển trí tuệ		Tiếng Anh B1		
593	Dương Thị Như Bình	06/11/2001	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học			Tiếng Anh	
594	Nguyễn Thị Cam	20/01/1991	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh trình độ B		
595	Hứa Thị Kim Chung	20/12/1986	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh trình độ C		
596	Đặng Thị Mỹ Huệ	22/05/1993	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh trình độ B		
597	Phạm Nguyễn Diệu Lài	13/05/1996	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1		
598	Hồ Thị Trà My	10/09/1993	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh trình độ C		
599	Nguyễn Trần Vân Nguyệt	02/08/1997	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh trình độ C		
600	Nguyễn Thị Kiều Thiên	13/01/2002	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1		
601	Trịnh Thị Tuyết Trinh	10/02/1993	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh trình độ B		
602	Cao Thị Hải Vọng	03/03/1995	Nữ	Kinh	Tiểu học	GDCB	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học; Chứng chỉ nghiệp vụ Giáo dục đặc biệt		Tiếng Anh trình độ B		
603	Nguyễn Thị Thu Cẩm	05/10/1989	Nữ	Kinh	Mầm non	GDCB	Đại học sư phạm Mẫu giáo		Tiếng Anh trình độ B		
604	Lê Thị Kiều Diễm	05/01/1992	Nữ	Kinh	Mầm non	GDCB	Đại học sư phạm Mầm non		Tiếng Anh A1		
605	Bùi Thị Ánh Hoa	25/06/1989	Nữ	Kinh	Mầm non	GDCB	Đại học sư phạm Mầm non		Tiếng Anh trình độ B		
606	Giang Thị Huệ	15/09/1988	Nữ	Kinh	Mầm non	GDCB	Cao đẳng sư phạm Giáo dục đặc biệt			Tiếng Anh	
607	Trương Thị Lương	02/02/1987	Nữ	Kinh	Mầm non	GDCB	Đại học sư phạm mầm non		Tiếng Anh trình độ B		
608	Lê Thị Minh Ngọc	12/11/1984	Nữ	Kinh	Mầm non	GDCB	Đại học sư phạm Mầm non; chứng chỉ nghiệp vụ Giáo dục đặc biệt		Tiếng Anh trình độ B		
609	Huỳnh Thị Thu Nhi	18/06/1989	Nữ	Kinh	Mầm non	GDCB	Đại học sư phạm mầm non		Tiếng Anh trình độ C		

Danh sách này có 609 người./.